

## CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI Ở MỘT XÃ BIÊN GIỚI TỈNH QUẢNG BÌNH: THỰC TIỄN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM<sup>1</sup>

TS. Nguyễn Công Thảo

Viện Dân tộc học

Email: nguyencongthao1977@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích một số hoạt động hỗ trợ của chính quyền địa phương nhằm giúp đỡ người Bru-Vân Kiều ở vùng biên giới Việt Nam - Lào phòng chống thiên tai trong vài năm trở lại đây. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa tại huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình trong năm 2023 - 2024, phát hiện chính của bài viết cho thấy chính quyền địa phương đã nỗ lực triển khai một số biện pháp đa dạng hóa sinh kế, tái định cư cho người dân. Mục đích chung của những nỗ lực này là hướng tới việc nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, giảm thiệt hại về người và tài sản cho người dân, hạn chế tác động tiêu cực mà thiên tai có thể gây ra. Tuy nhiên, một số chính sách hỗ trợ chưa hiệu quả, chưa giúp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai cho người dân. Hạn chế này xuất phát không chỉ từ phía chính sách mà còn cả từ những người thụ hưởng chính sách.

**Từ khóa:** Thiên tai, biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, người Bru-Vân Kiều.

**Abstract:** The article focuses on analysing the support activities of local governments aimed at helping the Bru-Van Kieu people in the Vietnam-Laos border area prevent natural disasters in recent years. Based on field research conducted in Quang Ninh District, Quang Binh Province, in 2023-2024, the article's main finding reveals that local authorities have implemented several measures to diversify livelihoods and resettle the population. These efforts aim to improve disaster prevention capacity, reduce human and property damage, and mitigate the negative impacts of natural disasters. However, some support policies have been ineffective and have not improved the people's disaster prevention capacity. This limitation stems not only from the policies themselves, but also from the policy beneficiaries.

**Keywords:** Natural disasters, climate change, natural disaster prevention, Bru-Van Kieu people.

Ngày nhận bài: 4/3/2024; ngày gửi phản biện: 11/7/2024; ngày duyệt đăng: 19/8/2024.

<sup>1</sup> Bài viết này là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ (2023-2024): “Vấn đề phòng chống thiên tai của người Bru-Vân Kiều ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Quảng Bình”, do TS. Nguyễn Công Thảo làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

## Mở đầu

Hoạt động phòng chống thiên tai của một cộng đồng có hiệu quả, bền vững hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: trải nghiệm của họ đối với thiên tai, đặc điểm và quy mô của thiên tai, nguồn lực tài chính, mạng lưới xã hội, điều kiện tự nhiên (Adger, 1999; Li và cộng sự, 2020). Ở cấp độ cộng đồng, đặc biệt những khu vực có tỷ lệ nghèo cao, chính sách của Nhà nước được coi là nhân tố đóng vai trò quan trọng bậc nhất. Một nghiên cứu về lũ lụt ở khu vực đồng bằng sông Hồng cho rằng trong bối cảnh lượng mưa có xu thế gia tăng, hỗ trợ từ phía Chính phủ thông qua các chiến lược dài hạn đóng vai trò quan trọng hơn so với việc chỉ tập trung vào cải tạo cơ sở hạ tầng mang tính ngắn hạn vốn phổ biến ở nhiều nơi của Việt Nam (McElwee et al, 2017). Trong khi đó, một nghiên cứu khác ở tỉnh Bắc Kạn nhận định rằng, khả năng phòng chống thiên tai của người dân chỉ có thể hiệu quả, bền vững khi phát huy được nội lực tại chỗ của người dân. Nghiên cứu này cũng đưa ra nhận định đáng chú ý là một số chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế của chính quyền địa phương đối với các hộ nghèo người dân tộc thiểu số phần nào khiến họ giảm tính tự lực tự cường, tăng sự lệ thuộc vào hỗ trợ của Nhà nước và chưa chủ động trong phòng chống thiên tai. Chính vì thế, cần thay đổi cách tiếp cận hỗ trợ người dân ứng phó với thiên tai, chuyển từ tiếp cận “quản lý khủng hoảng” sang “quản lý rủi ro” (Ho Son & Aaron, 2020). Quan điểm này phần nào có sự tương đồng với nhận định từ một nghiên cứu trước đó ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long khi nhóm tác giả của nghiên cứu này cho rằng chính sách hỗ trợ người dân ứng phó với thiên tai không nên chỉ tập trung vào khía cạnh vật chất hay kinh tế mà còn phải quan tâm nâng cao nhận thức, tính chủ động từ phía người dân (Dinh và cộng sự, 2023).

Phát triển sinh kế được coi là phương thức hỗ trợ phổ biến của Nhà nước nhằm góp phần nâng cao năng lực phòng chống thiên tai cho những cộng đồng địa phương (Gujun et al, 2022; Dinh et al, 2023). Đa dạng hóa vật nuôi, cây trồng và kinh tế rừng là hướng tiếp cận phổ biến và được coi là hiệu quả nhằm giảm thiểu rủi ro, tạo ra nhiều nguồn thu nhập khác nhau cho người dân, hạn chế sự lệ thuộc vào điều kiện thời tiết như một nghiên cứu về người Dao ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam đã chỉ ra (Nguyen et al, 2020). Vai trò của Nhà nước có vị trí quan trọng trong việc cung cấp cho người dân các nguồn thu nhập khác nhau nhằm hạn chế thiệt hại khi thiên tai diễn ra, hỗ trợ nguồn lực để người dân phát triển các hoạt động đem lại thu nhập tiền mặt và thực tiễn này rất rõ nét ở Việt Nam (Mohamed et al, 2015).

Tuy nhiên, cũng có nghiên cứu chỉ ra các chính sách phát triển sinh kế nhằm hỗ trợ phòng chống thiên tai ở nhiều quốc gia đang phát triển đôi khi lại làm gia tăng mức độ tổn thương hay tái phân bổ mức độ tổn thương giữa các nhóm trong cộng đồng hoặc dẫn đến những tổn thương mới. Điều này bị ảnh hưởng bởi: (1) Hiểu biết hạn chế về bối cảnh địa phương; (2) Sự tham gia không bình đẳng của các bên liên quan trong quá trình thiết kế cũng như triển khai các hỗ trợ; (3) Áp dụng chông lẩn các biện pháp ứng phó mới lên các biện pháp hiện hành; (4) Thiếu sự gắn kết với quan điểm của địa phương về sự thành công của quá trình thích ứng (Eriksen et al,

2021). Chính vì thế, các chính sách hỗ trợ cần đặt trong bối cảnh cụ thể như kiến thức của người dân về thiên tai hay diễn biến thời tiết, tâm lý, văn hóa, tri thức dân gian cũng cần được thấu hiểu, vận dụng nhằm giúp hoạt động ứng phó của họ vừa phù hợp, hiệu quả ở hiện tại, vừa bền vững và có thể nhân rộng trong tương lai (Le Dang et al, 2014).

Qua nghiên cứu tại xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình trong hai năm 2023 và 2024, bài viết này tập trung phân tích, đánh giá một số chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc giúp đỡ người Bru-Vân Kiều phòng chống thiên tai trong gần một thập kỷ qua. Những chính sách này gồm các chính sách trực tiếp liên quan đến phòng chống thiên tai (tái định cư, hỗ trợ xây nhà) và các chính sách mang tính gián tiếp thông qua hỗ trợ phát triển sinh kế nhằm giúp người dân có thêm nhiều nguồn thu nhập khác nhau (giao đất rừng sản xuất, hỗ trợ giống vật nuôi, cây trồng). Mục đích của những phân tích này nhằm so sánh đặc điểm, tính hiệu quả của các chính sách ấy đối với việc tăng cường năng lực ứng phó với thiên tai cho người dân. Điểm mới của nghiên cứu này là việc nhìn nhận tính hiệu quả của các chính sách đó không chỉ từ phía Nhà nước mà cả từ phía người dân. Quan điểm lý thuyết đưa ra là hoạt động phòng chống thiên tai không nên chỉ trông chờ vào chính sách, sự hỗ trợ của Nhà nước. Người dân cũng cần chủ động tận dụng các nguồn lực của mình để đưa ra các hoạt động kịp thời nhằm đảm bảo tính hiệu quả, bền vững.

### **1. Giới thiệu chung về điểm nghiên cứu**

Huyện Quảng Ninh cách thành phố Đồng Hới 7km về phía nam, có 25km đường biển, 35km đường biên giới giáp với Lào. Huyện có địa hình hẹp và dốc, nghiêng từ phía tây sang đông với gần 80% diện tích tự nhiên là đồi núi, sông ngòi. Về mặt thời tiết, huyện Quảng Ninh có mùa khô bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 8 và mùa mưa từ tháng 9 kéo dài đến tháng 2 năm sau. Huyện có 2 tuyến đường giao thông quan trọng chạy qua là Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh. Nông, lâm nghiệp vẫn là hai hoạt động kinh tế đem lại nguồn thu nhập chủ yếu cho người dân nơi đây (chủ yếu là người Kinh và Bru-Vân Kiều). Xã miền núi Trường Sơn là địa bàn tập trung đông người Bru-Vân Kiều nhất trên địa bàn huyện Quảng Ninh.

Trường Sơn là xã biên giới, nằm dọc trên tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, với 19 thôn bản, trong đó 4 thôn người Kinh sống ở khu vực trung tâm xã, ven đường; 15 bản người Bru-Vân Kiều sống ở khu vực ngoại vi trung tâm xã (bản Dốc Mây cách trung tâm xã xa nhất khoảng 50km). Tính đến cuối tháng 5/2024, có 12/19 thôn bản có đường ô tô vào đến tận trung tâm; vẫn còn 6 bản chưa có điện lưới; 3 bản đường giao thông vẫn chưa được nâng cấp, khó đi lại vào mùa mưa. Đặc biệt, có những bản phải đồng thời đối mặt với nhiều khó khăn như: không có điện, không có internet, ô tô không thể tiếp cận khi mùa mưa đến như bản Sắt, Dốc Mây, Nước Đắng, Ploang. Nước khe vẫn là nguồn nước sinh hoạt chính đối với người dân ở 15 bản và nguồn nước này được tuyệt đại đa số người dân sử dụng mà không qua các thiết bị lọc.

Hoạt động chính của người Bru-Vân Kiều trên địa bàn xã là kinh tế rừng và khai thác lâm sản phi gỗ. Diện tích đất trồng lúa nước chủ yếu nằm ở 15 bản Bru-Vân Kiều. Bên cạnh

đó, diện tích đất hoa màu rất ít, nằm rải rác ven các suối, chân đồi. Từ năm 2020 trở lại đây, diện tích lúa và hoa màu không ngừng bị thu hẹp do tác động của sạt lở đất và hạn hán. Trong khi đó, trồng keo, làm thuê, khai thác lâm sản phi gỗ đem lại nguồn thu chính cho người Bru-Vân Kiều. Quy mô hộ trung bình của người Bru-Vân Kiều là 4,3 người/hộ, cao hơn mức bình quân của xã là 4,1 người (UBND xã Trường Sơn, 2023). Tình trạng sinh hơn 3 con vẫn khá phổ biến ở những cặp vợ chồng trẻ. Gia đình có sự phân công lao động theo giới khá rõ nét trong hoạt động tạo ra tiền mặt, trong đó nam giới thường lao động di cư, thu hoạch keo thuê, tìm kiếm mật ong, trong khi phụ nữ chuyên khai thác lâm sản phi gỗ.

Hai điểm nghiên cứu trình bày trong bài viết này là bản Sắt và bản Khe Cát, cùng ở xã Trường Sơn, nơi 100% hộ dân là người Bru-Vân Kiều. Bản Sắt nằm ở vùng chân thung lũng, cách trung tâm xã chừng 12 km (có khoảng 3km đường vẫn chưa được đổ bê tông, khó đi lại trong mùa mưa). Bản hiện nay mới được xây dựng từ năm 2021 - 2022 trong chương trình di dân tái định cư nhằm tránh nguy cơ sạt lở sau trận lũ tháng 10/2020. Bản nằm ven khu ruộng nước và bao quanh là diện tích rừng phòng hộ, được giao cho bản quản lý. Bản Sắt có tỷ lệ hộ nghèo cao, thuộc nhóm cao nhất của xã Trường Sơn, hơn nhiều so với bản Khe Cát. Trong khi đó, bản Khe Cát nằm dọc tuyến đường Hồ Chí Minh, cách trung tâm xã chừng 10km. Trước năm 2002, cư dân bản sống ở phía bờ tây của suối Giao Tràng (khi đó đường Hồ Chí Minh nhánh Tây chưa được xây dựng). Từ năm 2003, các hộ dân ở những điểm có nguy cơ sạt lở cao ở một số bản xa trung tâm xã được tái định cư về dọc tuyến đường Hồ Chí Minh (đoạn đường qua bản hoàn thành năm 2003); từ năm 2012, có 7 hộ từ bên kia suối cũng chuyển sang ở khu vực mới này. So với bản Sắt, bản Khe Cát có điều kiện kinh tế tốt hơn, thể hiện qua các chỉ số khác nhau (xem Bảng 1).

**Bảng 1: Một số thông tin về bản Sắt và bản Khe Cát**

<b>Thông tin tính đến cuối năm 2023</b>	<b>Bản Sắt</b>	<b>Bản Khe Cát</b>
Tổng dân số (người)	156	443
Tổng số hộ (hộ)	36	106
Tỷ lệ hộ nghèo (%)	66,67	33,02
Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	0	17,92
Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 (triệu đồng)	17	20
Tổng diện tích lúa (ha)	7,5	32,2
Tỷ lệ hộ có ruộng nước (%)	88,9	79,2
Tổng diện tích hoa màu (ha)	4,5	15
Tổng diện tích cây keo (ha)	8,3	218,63
Số người đi làm ăn ngoại tỉnh (người)	9	32
Số lao động đi xuất khẩu lao động (người)	5	3

*Nguồn:* Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn, 2023.

**2. Tình hình thiên tai ở địa bàn nghiên cứu từ năm 2020 đến 2024**

Năm 2020 có đến 6 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào huyện Quảng Ninh và đây cũng là năm có tổng lượng mưa cao hơn so với mức trung bình nhiều năm trước đó, phổ biến ở mức 2.500-3.000mm. Thời gian này, huyện Quảng Ninh xuất hiện 3 đợt lũ, đặc biệt là đợt từ ngày 16-22/10 đã có mưa lớn và gây nên đợt lũ lịch sử ngập sâu trên diện rộng tại 13 xã, thị trấn; đỉnh điểm tại trạm Mỹ Trung đo được mực nước +4.46m. Đáng quan ngại hơn, riêng trận lụt lịch sử diễn ra vào tháng 10/2020 đã khiến 08 người chết, 51 người bị thương cùng nhiều thiệt hại nặng nề khác (UBND huyện Quảng Ninh, 2020).

**Bảng 2: Một số thiệt hại do trận lũ lịch sử tháng 10/2020 tại huyện Quảng Ninh**

Phương diện chịu thiệt hại	Thiệt hại cụ thể
Nhà ở	Số nhà bị ngập lụt: 17.000 nhà, trong đó: 3.061 nhà ngập dưới 1m; 13.752 nhà ngập từ 1m đến 3m; 187 nhà ngập trên 3m. Có 89/112 thôn, bản, tổ dân phố có nhà bị ngập lụt; số nhà bị hư hỏng 96 nhà, trong đó: 4 nhà bị sập, 19 nhà bị hư hỏng nặng; số nhà dân di dời khẩn cấp do sạt lở đến địa điểm khác - 34 nhà (bản Sắt, xã Trường Sơn); di dời 3.804 hộ bị ngập sâu đến nơi an toàn hơn (nhà dân cao tầng, nhà dân không bị ngập lụt, trụ sở xã, trạm y tế, trường học,...). Ước tính thiệt hại khoảng 158,7 tỷ đồng.
Trường học	Có 35 điểm trường học, với 352 phòng học bị ngập nước từ 1-3m và hư hại trang thiết bị. Ước tính thiệt hại khoảng 15,7 tỷ đồng.
Cơ sở y tế	Có 8 Trạm Y tế xã, Trung tâm Y tế huyện, Bệnh viện Đa khoa huyện bị ngập nước và hư hại trang thiết bị. Ước tính thiệt hại khoảng 1,3 tỷ đồng.
Nông, lâm, ngư nghiệp	Diện tích hoa màu bị thiệt hại 330ha; cây trồng lâu năm, cây ăn quả: 110ha; cây trồng hàng năm: 317ha; hoa, cây cảnh, chậu cảnh bị thiệt hại 27.540 cây/chậu; rừng bị ngã đổ: 255ha; lương thực bị trôi, ẩm ướt, hư hỏng: 11.300 tấn. Ước tính thiệt hại khoảng 148,2 tỷ đồng.
Chăn nuôi gia súc, gia cầm	Gia súc bị chết, cuốn trôi: 6.800 con, trong đó: trâu bò 595 con; dê, hươu 64 con, lợn 6.021 con; gia cầm bị chết, cuốn trôi: 217.471 con. Ước tính thiệt hại khoảng 83,9 tỷ đồng.
Thủy sản	Diện tích nuôi cá chuyên canh bị ngập: 280ha; diện tích nuôi tôm bị ngập - 32ha; lồng bè, hải sản các loại bị vỡ - 10 lồng; phương tiện khai thác thủy, hải sản bị hư hỏng 38 chiếc. Ước tính thiệt hại khoảng 32,6 tỷ đồng.
Thủy lợi	Đê từ cấp IV trở xuống bị sạt, nứt, vỡ: chiều dài 7km; kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng: chiều dài 20km; trạm bơm bị ngập, hư hỏng: 42 cái; kè bị sạt lở: chiều dài 20km. Ước tính thiệt hại khoảng 17,9 tỷ đồng.
Giao thông	Đường giao thông địa phương bị sạt lở, hư hỏng chiều dài 25km. Ước tính thiệt hại khoảng 25,8 tỷ đồng.
Nước sạch, môi trường	Diện tích vùng dân cư bị ô nhiễm do lũ lụt: 3.700ha; 15.268 hộ thiếu nước sạch sinh hoạt. Ước tính thiệt hại khoảng 9,8 tỷ đồng.

*Nguồn:* Báo cáo thiệt hại thiên tai năm 2020 (UBND huyện Quảng Ninh, 2020).

Trận lũ lịch sử tháng 10/2020 cũng gây ra một số thiệt hại tại xã Trường Sơn, đặc biệt 3 bản của người Bru-Vân Kiều là Dốc Mây, Nước Đắng, Hồi Dính bị cô lập gần một tháng. Tại bản Sắt, trận lũ gây ra sạt lở nghiêm trọng, đe dọa tính mạng, nhà ở và tài sản của các hộ dân. Dù chưa gây ra thiệt hại về người nhưng nhiều nhà trong bản đã bị bồi lấp một phần, vì thế từ cuối năm 2020 dự án tái định cư cho toàn bộ 34 hộ (thời điểm đó có 2 hộ chưa tách khẩu) đến nơi ở mới đã được xây dựng. Việc xây dựng khu tái định cư được triển khai ngay trong năm 2021 và đến cuối năm 2022, toàn bộ 34 hộ này đã được chuyển đến nơi ở mới, cách nơi cũ khoảng 1km. Mỗi hộ tái định cư được Nhà nước xây dựng 1 ngôi nhà sàn với kiến trúc giống nhau, cột bê tông, lợp tôn, có diện tích 36m<sup>2</sup>, trên thửa đất 300m<sup>2</sup>. Toàn bộ chi phí san nền, cấp đất, xây dựng nhà được Nhà nước hỗ trợ toàn bộ. Đất ở, đất vườn và nhà ở tại nơi cư trú cũ vẫn thuộc quyền sở hữu của người dân. Tính đến tháng 5/2024, có trên 20 hộ vẫn duy trì ngôi nhà sàn cũ tại nơi ở trước đây và chỉ có trên 10 hộ di chuyển nhà sàn sang nơi ở mới, dựng làm bếp hoặc nhà phụ cho con cái ở. Bên cạnh đó, các hộ dân vẫn tiếp tục canh tác, chăn nuôi trên đất vườn ở khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro sạt lở đất này. Trận lũ tháng 10 năm 2020 cũng khiến hệ thống đường ống dẫn nước xuống khu 7,5ha lúa nước của bản Sắt hoặc bị vùi lấp, hoặc bị hư hại. Thực tế này cùng với tình trạng lượng mưa giảm mạnh từ năm 2022 khiến hầu hết diện tích này chỉ có thể trồng vụ Đông Xuân, do thiếu nước trầm trọng vào vụ Hè Thu.

Trong khi đó, tại bản Khe Cát, trận lũ này đã cô lập 14 hộ ở phía bờ tây suối Giao Tràng trong khoảng 1 tuần lễ do mực nước suối dâng cao, dòng chảy xiết nên người dân không thể qua suối ngay cả bằng đò. Thêm vào đó, gần 3ha đất lúa bị sỏi, đá, cát bồi lấp dẫn đến không thể tiếp tục canh tác. Bên cạnh lũ, hạn hán và sạt lở đất là hai loại hình thiên tai phổ biến khác. Hạn hán khiến hầu hết diện tích lúa ở cả hai bản Sắt và Khe Cát chỉ có thể canh tác 1 vụ Đông Xuân. Tại bản Khe Cát, trong đợt lũ tháng 10/2020, có gần 2ha đất hoa màu cũng không thể tiếp tục trồng lạc, đậu, ngô do đất bị sạt lở hay bồi lấp; 5 ngôi nhà ở sát tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây cũng bị đe dọa bởi một khối lượng đáng kể đất đồi sạt nhà sạt lở.

Kể từ năm 2021 đến tháng 5/2024, hạn hán trở nên phổ biến hơn ở huyện Quảng Ninh, đặc biệt trong năm 2023 và nửa đầu năm 2024. Người dân xã Trường Sơn cho biết lượng mưa trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 5 ở hai năm này quá ít dẫn đến việc thiếu nước sinh hoạt. Hầu hết diện tích đất nông nghiệp không thể canh tác, hoặc canh tác nhưng không đem lại năng suất cao. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng ở các xã vùng cao của huyện Quảng Ninh, trong đó có xã Trường Sơn. Theo ước tính của người dân ở bản Khe Cát, do ảnh hưởng của hạn hán, gần 50% diện tích đất nông nghiệp không thể canh tác trong khi ở bản Sắt, năng suất lúa trong vụ Hè Thu chỉ bằng 30% so với vụ Đông Xuân.

### **3. Một số chính sách hỗ trợ góp phần phòng chống thiên tai**

#### **3.1. Cảnh báo thiên tai**

Hoạt động truyền thông, cảnh báo thiên tai chưa được thực hiện một cách hiệu quả và kịp thời ở cấp thôn. Đây là nhận định được đưa ra từ các cuộc thảo luận nhóm với cán bộ từ

cấp huyện đến cấp xã. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là diễn biến của thiên tai ngày càng khó lường khiến sự chính xác, kịp thời của các dự báo không được như mong muốn. Đặc điểm cư trú của người Bru-Vân Kiều là không tập trung, tình trạng nhóm thanh niên đi làm ăn xa khá phổ biến. Tính đến cuối năm 2024, toàn xã Trường Sơn có 238 người đi xuất khẩu lao động, 60% trong đó là người Bru-Vân Kiều. Đó là chưa kể đến số lượng di cư lao động ngoại tỉnh không được thống kê đầy đủ. Theo ước tính của lãnh đạo thôn bản Sắt và Khe Cát, có khoảng từ 70% đến 80% người từ độ tuổi 18 - 40 trong thôn thường xuyên đi làm ăn xa; có 5 người ở bản Sắt hiện đang lao động ở nước ngoài. Con số này ở bản Khe Cát là 3 (với 3 người khác đang làm thủ tục). Điều đó cho thấy nếu hoạt động truyền thông, cảnh báo thiên tai chỉ diễn ra 1-2 ngày trước thiên tai như trước trận lụt lịch sử năm 2020 thì nhiều hộ dân không thể phòng chống kịp thời do thiếu nhân lực. Lời trần tình dưới đây của một nam giới 62 tuổi người Bru-Vân Kiều ở bản Khe Cát (nằm ở bờ tây suối Giao Tràng, có 1 con lợn bị chết trong đợt lũ tháng 10 năm 2020) phản ánh rõ điều đó: *“Để di chuyển thóc, lợn, gà, đồ đạc lên điểm cao hơn cách nhà chừng 200m thì chỉ tôi và vợ khó làm được vì sức khỏe không cho phép. Nếu nhờ họ hàng hay hàng xóm thì cũng phải đợi vì họ phải ưu tiên việc phòng chống ở nhà họ. Thành thử chúng tôi đành phải kê tạm thóc lên cao ngay trong nhà mình, không thể di dời đến nơi ở cao hơn dù biết việc ở lại có thể nguy hiểm”*.

Người dân ở bản Sắt cũng cho rằng họ không có đủ thời gian chuẩn bị nhiều trước trận lụt tháng 10/2020. Do đường giao thông khó khăn, không có điện, không có sóng di động, không có internet, người dân ở đây gần như biệt lập với bên ngoài. Chính vì thế, họ hầu như không kịp cập nhật thông tin cảnh báo thiên tai cũng như các hướng dẫn phòng chống từ phía chính quyền. Tính đến tháng 5/2024, mới chỉ có 13 trong tổng số 19 thôn bản của xã có hệ thống truyền thanh. Vẫn còn 6 bản người Bru-Vân Kiều, trong đó có bản Sắt không thể liên lạc được với bên ngoài bằng các phương tiện truyền thông hiện đại. Mọi thông tin cảnh báo chỉ được truyền qua thư tay hoặc qua cán bộ truyền tin, do đó thông tin thường đến muộn.

Kết quả thảo luận nhóm cho thấy ngoại trừ một số bản chưa có sóng điện thoại, hệ thống loa phát thanh của xã đã kết nối ở 13 bản trên toàn xã Trường Sơn, thường xuyên cập nhật thông tin hằng ngày, đặc biệt là thông tin liên quan đến dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai. Sự bị động của người dân được cán bộ xã cho rằng một phần do họ ít nghe đài, tâm lý chủ quan chờ đợi sự hỗ trợ của chính quyền xã hoặc có bộ phận quan niệm thiên tai với lũ lụt và chỉ nghiêm trọng ở khu vực đồng bằng, khu vực thấp.

### **3.2. Giao đất rừng sản xuất cho hộ gia đình**

Giao đất rừng sản xuất giúp người dân vùng cao phát triển kinh tế lâm nghiệp là biện pháp phổ biến nhằm bổ sung thu nhập, nhất là khi diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người ngày càng giảm (Nguyen et al, 2020). Năm 2006 chính quyền xã phân bổ đất rừng sản xuất cho người Bru-Vân Kiều ở bản Sắt nhằm khuyến khích người dân trồng cây lấy gỗ, có

thêm thu nhập cho gia đình. Tuy nhiên, tại thời điểm ấy, mặc dù khu đất đó gần bản nhưng lại chưa có đường ô tô nên người dân không thể canh tác (năm 2014 tuyến đường bê tông kết nối bản Sắt với đường Hồ Chí Minh mới được xây dựng). Chính vì thế, người dân bỏ đất hoang nhiều năm, dẫn đến năm 2013, diện tích đất này cùng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng hộ bị thu hồi và chuyển giao cho Lâm trường Long Đại. Đến năm 2018, chính quyền xã tiến hành cấp lại đất rừng sản xuất cho người dân trong bản với định mức 0,25 ha/người<sup>2</sup>. Tuy nhiên, khu đất này lại nằm cách xa bản chừng 5km với điều kiện đi lại hết sức khó khăn, theo người dân nếu có trồng keo thì cũng không hiệu quả do chi phí vận chuyển cao. Một lần nữa hầu hết các hộ trong bản lại từ chối không nhận diện tích được giao và chính quyền quyết định nhập diện tích đó vào rừng cộng đồng, được Ủy ban nhân dân xã giao cho bản chăm sóc, bảo vệ. Tính đến tháng 5/2024, chỉ có 6 hộ tại bản Sắt có rừng sản xuất (trồng keo). Những hộ này vốn được chia rừng ở gần bản từ trước năm 2006.

Điều khiến người dân trong bản Sắt quan ngại là vẫn còn nhiều diện tích rừng nằm sát bản nhưng lại thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã hoặc Lâm trường Long Đại. Họ mong muốn nhận diện tích đất này và hoán đổi diện tích dự kiến phân cho lâm trường hay Ủy ban nhân dân xã nhưng chưa được đáp ứng, bởi thủ tục chuyển đổi đất rừng phòng hộ sang rừng sản xuất nằm ngoài thẩm quyền của chính quyền huyện cũng như chính quyền xã. Đáng nói hơn, trong 36 hộ ở bản, có 6 hộ lại được giao diện tích rừng nằm gần bản. Những người này đa phần là lãnh đạo bản hoặc có họ hàng với lãnh đạo bản. Chính vì thế, người dân cho rằng họ không được đối xử công bằng. Thêm vào đó, do thời điểm giao đất rừng sản xuất khác nhau, có sự khác biệt về định mức diện tích bình quân đầu người dẫn đến sự so bì giữa các hộ dân. Tại bản Khe Cát, tính đến thời điểm tháng 5/2024, diện tích đất rừng sản xuất trung bình trên đầu người đạt xấp xỉ 0,5ha/người. Điều đó có nghĩa tại thời điểm giao đất (từ hàng chục năm trước), tỷ lệ này còn cao hơn nhiều (do những người sinh sau thời điểm giao đất chưa được cấp bổ sung).

Ví dụ trên cho thấy công tác quy hoạch sử dụng đất rừng có nhiều điểm chưa hợp lý. Mục tiêu quan trọng của việc giao đất rừng sản xuất nhằm giúp người dân có thêm nguồn thu nhập, qua đó giúp họ có thêm nguồn lực tài chính để đảm bảo an sinh, bao gồm cả năng lực phòng chống, ứng phó với thiên tai. Thêm vào đó, hoạt động này cũng giúp những cộng đồng sống ven rừng giảm lệ thuộc vào khai thác lâm sản, góp phần chấm dứt tình trạng xâm canh, khai thác trái phép các nguồn tài nguyên rừng. Tuy nhiên, việc giao đất rừng sản xuất cho người Bru-Vân Kiều ở bản Sắt đã không tính đến tính thương mại, hiệu quả kinh tế cũng như đầu ra cho sản phẩm. Năm 2006, bản Sắt vẫn nằm khá biệt lập, cách đường ô tô khoảng 6km; chưa có điện lưới, kết nối viễn thông. Đến năm 2018, khi tuyến đường kết nối bản Sắt với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đã cơ bản được hoàn thành (vì còn một số đoạn vẫn là đường

<sup>2</sup> Định mức này được Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn đưa ra dựa trên diện tích rừng sản xuất được giao và số hộ/khâu chưa có đất rừng sản xuất.

đất), khu đất chia cho người dân lại nằm cách bản Sắt khoảng 5km. Điều đó khiến việc trồng, chăm sóc, khai thác cây trồng trên diện tích được giao hết sức khó khăn, chi phí đầu tư cao và theo người dân nếu có trồng keo thì cũng không hiệu quả. Vì thế người dân dù được giao đất rừng sản xuất nhưng không thể trồng keo hay các cây thương mại khác do thương lái không thể vào thu mua. Điều đó lý giải tại sao người Bru-Vân Kiều ở bản Sắt hai lần từ chối nhận diện tích rừng được giao, do họ không thể canh tác bất cứ loại cây trồng gì với mục đích thương mại do chi phí đi lại, vận chuyển quá cao.

Bên cạnh đó, chủ trương giao đất mang tính cào bằng khiến diện tích người dân được giao quá thấp. Định mức 0,25ha/người được áp dụng ở xã Trường Sơn từ năm 2018 trở lại đây được người dân đánh giá là quá thấp, không đảm bảo thu nhập để người dân thoát nghèo. Theo tiêu chí xác định hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025<sup>3</sup>, hộ gia đình có mức thu nhập trung bình đầu người thấp hơn 1,5 triệu đồng/người/tháng là một căn cứ quan trọng để xét hộ nghèo (bên cạnh 12 chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản khác). Trong khi đó, tính trung bình, 1ha keo sau 5 năm đem lại thu nhập khoảng 30 triệu đồng, tức là khoảng 500.000 đồng/tháng (chưa tính các rủi ro về thiên tai, công chăm sóc). Chính vì thế, theo người dân, diện tích keo được giao ít nhất phải đạt 3ha/người để họ có thể thoát nghèo (bởi diện tích lúa, hoa màu quá ít, cơ bản chỉ đảm bảo lương thực cho nhu cầu tiêu thụ của gia đình). Yêu cầu này được không chỉ người Bru-Vân Kiều ở bản Sắt và bản Khe Cát mà cả chính quyền xã Trường Sơn nhấn mạnh. Giải pháp được đưa ra là chuyển đổi một phần diện tích rừng sản xuất hiện do Lâm trường Long Đại đang quản lý và khai thác. Nhận định dưới đây của một đại diện lãnh đạo bản Sắt phản ánh tâm lý chung của người dân cũng như cán bộ xã Trường Sơn: *“Nhà nước cần có chính sách chuyển đổi một phần diện tích đang giao cho lâm trường cho người dân để phát triển sinh kế. Có như vậy người dân mới yên tâm sản xuất và bảo vệ rừng. Lâm trường không đủ người làm, họ cũng phải thuê dân trồng, chăm sóc và thu hoạch keo. Vậy tại sao không giao một phần diện tích đó cho dân. Chỉ có thoát nghèo, người dân mới đủ sức chủ động phòng chống thiên tai thay vì phải phụ thuộc vào Nhà nước”*.

### **3.3. Tái định cư người dân khỏi khu vực có rủi ro cao**

Trong trận lụt lịch sử tháng 10/2020, tại bản Sắt có nhiều điểm sạt lở đất. Dù không gây ra thiệt hại về người nhưng dựa trên quan sát thực tế, người dân và chính quyền địa phương thấy rõ được nguy cơ toàn bộ bản có thể bị vùi lấp nếu tình trạng sạt lở tiếp tục diễn ra. Chính vì thế, ngay cuối năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh cùng với Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn đã triển khai kế hoạch di dời 34 hộ dân trong bản đến nơi ở an toàn hơn cách đó khoảng 1km và công việc này được hoàn thành trong năm 2022. Điểm định cư mới nằm trong vùng thung lũng, xa chân đồi và không có nguy cơ sạt lở đất. Theo đánh giá của tác giả bài viết này, bên cạnh mặt tích cực, dự án này cũng có một số bất cập sau:

<sup>3</sup> Căn cứ theo Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ *Quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025*.

*Thứ nhất*, có sự cứng nhắc trong xây dựng khu tái định cư bởi chính quyền áp dụng một mẫu nhà chung cho cả 34 hộ. Nhiều hộ dân muốn xin được cấp kinh phí 90 triệu đồng (vốn là tổng kinh phí để xây dựng 1 ngôi nhà tái định cư mới) để tự chuyển nhà sàn gỗ từ nơi ở cũ sang điếm tái định cư, gia cố nhà cửa cho vững chắc hơn. Tuy nhiên, đề nghị này không được phê duyệt. Việc phải sống trong ngôi nhà mới xây dựng bằng bê tông, lợp tôn theo người dân là không phù hợp vì hết sức nóng vào mùa hè và lạnh vào mùa đông, đặc biệt khi người dân không thể sử dụng quạt máy do chưa có điện. Thêm vào đó, việc bỏ không những ngôi nhà sàn (nhiều ngôi nhà vẫn còn tốt) tại nơi ở cũ là hết sức lãng phí.

*Thứ hai*, mục đích của việc tái định cư nhằm giúp người dân được an toàn hơn trước rủi ro thiên tai, hạn chế thiệt hại về tài sản. Tuy nhiên, sau khi di chuyển toàn bộ người dân trong bản Sắt sang khu tái định cư, chính quyền xã vẫn tiếp tục để các hộ dân canh tác, chăn nuôi, duy trì nhà sàn tại nơi ở cũ. Quan sát thực địa cho thấy một số hộ vẫn ở phía bản cũ để thuận tiện chăn nuôi. Họ cảm thấy thoải mái hơn khi ở trong ngôi nhà sàn cũ của mình. Thêm vào đó, mô hình chăn nuôi lợn, gà đang được triển khai (thuộc *Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới*), các hộ nghèo, cận nghèo trong bản Sắt sẽ được hỗ trợ giống, kỹ thuật, thức ăn, kinh phí xây dựng chuồng trại. Tuy nhiên, do diện tích đất tại nơi ở mới quá nhỏ nên người dân sẽ triển khai hoạt động này tại nơi ở cũ. Điều đó cho thấy hoạt động tái định cư chưa được tiến hành triệt để, chủ yếu hướng vào cung cấp nơi ở mà chưa quan tâm đến điều kiện sản xuất. Hơn nữa, việc cho người dân tiếp tục ở, chăn nuôi, canh tác trên khu đất cũ khiến họ vẫn tiếp tục rủi ro trước nguy cơ sạt lở trong tương lai.

*Thứ ba*, sau khi xây dựng khu tái định cư, hệ thống đường ống dẫn nước mới từ các khe nước được lắp đặt đến từng hộ gia đình tại nơi ở mới. Điều này gián tiếp dẫn đến tình trạng thiếu nước sản xuất cho khu 7,5 ha lúa, khiến từ năm 2022 đến nay diện tích này về cơ bản chỉ canh tác được 1 vụ Đông Xuân. Trước đây, nước dẫn về bản cũ và khi người dân không sử dụng, sẽ chảy xuống ruộng trước khi đổ ra suối. Hệ thống đường ống mới dẫn nước về nơi ở mới, sau đó chảy ra các suối, lạch mà không đi qua đồng ruộng. Thêm vào đó, toàn bộ tuyến đường nội bản và hệ thống dẫn nước thải tại điểm tái định cư chưa được xây dựng dẫn đến tình trạng bị ngập úng, mất vệ sinh môi trường, đặc biệt vào những tháng mùa mưa.

*Thứ tư*, việc chính quyền xã tiếp tục cho 2 hộ dân trồng keo trên đồi với diện tích khoảng 3ha sát khu bản cũ tiềm ẩn nguy cơ sạt lở cao, gia tăng rủi ro bồi lấp diện tích đất canh tác lúa nước liền kề. Nguy cơ này càng rõ ràng khi để khai thác, người thu mua phải dùng máy xúc mức đất, mở đường cho xe tải lên vận chuyển gỗ. Theo phản ánh của người dân, vào cuối năm 2020, đoàn công tác của tỉnh khi về thăm đã có chỉ đạo không khai thác diện tích này, chuyển đổi thành diện tích rừng phòng hộ. Tuy nhiên, do chính sách chuyển đổi không được tiến hành (cho đến tận tháng 5/2024) nên diện tích này vẫn được coi là rừng sản xuất, chính quyền xã buộc phải cho người dân khai thác gỗ đúng thời điểm nghiên cứu thực địa này diễn ra.

Trong khi đó, từ năm 2003 nhiều hộ dân ở các bản xa trung tâm xã Trường Sơn, khu

vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai cao đã bắt đầu di chuyển về bản Khe Cát. Những hộ dân này được tự do lựa chọn nơi định cư, khi đó vẫn còn nhiều khu đất bằng phẳng nằm dọc đường Hồ Chí Minh. Đến năm 2013, chính quyền xã cũng tiếp tục vận động các hộ dân sống phía bờ tây suối Giao Tràng, khu vực thường bị chia cắt vào mùa mưa (do mực nước suối dâng cao), nguy cơ ngập lụt cao (do cư trú ở vùng trũng) chuyển cư sang phía bờ đông. Tại thời điểm năm 2013, chính quyền địa phương đã quy hoạch một khu đồi ven đường Hồ Chí Minh nhánh Tây và một số khu đồi khác gần đó để người dân lựa chọn. Tuy nhiên, do sống quen ở địa hình tương đối bằng phẳng, các hộ dân này mong muốn chính quyền hỗ trợ việc san đất đồi, hạ cốt đất xuống thấp ở khu đất dự kiến dành cho họ tái định cư nhưng không được đáp ứng. Điều đó khiến những hộ dân này quyết định ở lại và hậu quả là họ bị chia cắt gần 1 tuần; hầu hết diện tích hoa màu bị hư hại sau trận lụt tháng 10/2020. Bên cạnh đó, một số hộ chuyển đến tái định cư, làm nhà ở dọc đường Hồ Chí Minh nhánh Tây cũng đối diện với nguy cơ sạt lở do làm nhà sát chân đồi. Dù chưa gây ra thiệt hại về người và nhà ở nhưng người dân quan ngại trong tương lai, mức độ thiệt hại sẽ nghiêm trọng hơn. Thực trạng này cho thấy chính quyền xã chưa có những hướng dẫn đầy đủ cũng như giám sát quá trình lựa chọn đất, làm nhà tái định cư sao cho đảm bảo an toàn tối đa cho người dân.

Tuy nhiên, đánh giá một cách khách quan, không ít hộ dân chưa thực sự chủ động trong việc chuyển cư đến nơi ở mới an toàn hơn dù đã có sự hỗ trợ của Nhà nước. Tại bản Khe Cát, năm 2013, đã có 7 hộ người Bru-Vân Kiều sống ở bờ tây suối Giao Tràng chủ động chuyển qua suối, tái định cư dọc tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây. Những hộ này sử dụng 40 triệu đồng kinh phí hỗ trợ từ Nhà nước cho việc chuyển nhà; tận dụng khoản vay ưu đãi 40 triệu đồng khác từ Ngân hàng Chính sách xã hội để thuê máy xúc san nền đất đồi ven đường làm nhà. Kết quả phỏng vấn với những hộ này cho thấy, họ ý thức rõ về nguy cơ ngập lụt nếu tiếp tục sống tại nơi ở cũ; sự bất tiện, rủi ro cho gia đình trong mùa mưa bão. Quan trọng hơn, họ nhận thức được bản thân, gia đình phải đồng hành với Nhà nước, không thể buộc Nhà nước phải san nền sẵn rồi mới chuyển cư như 14 hộ khác trong cụm dân cư (vẫn vẫn đang sinh sống tại khu vực có nguy cơ ngập cao). Điều đó được thể hiện khá rõ nét qua nhận định dưới đây của một nam giới 56 tuổi tại bản Khe Cát: *“Nhà nước đã cấp cho 40 triệu đồng, lại cho vay ưu đãi 40 triệu đồng trong 5 năm thì người dân cũng phải chủ động di chuyển. Nếu ai cũng đòi hỏi Nhà nước phải san nền, làm nhà, làm đường sẵn thì kinh phí đâu cho đủ. Mình phải lo cuộc sống của mình, không nên cái gì cũng trông chờ vào Nhà nước”*.

### **3.4. Hỗ trợ phát triển sinh kế**

Dưới nhiều chương trình, dự án khác nhau, người Bru-Vân Kiều (đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo) đã, đang và sẽ tiếp tục được cấp bò/trâu giống để phát triển sinh kế. Tại thời điểm cuối tháng 5/2024, bản Sắt có 70 con trâu (thuộc về 20 hộ); bản Khe Cát có 60 con trâu, 50 con bò. Tuy nhiên, cả hai bản đều không có khu vực để chăn thả gia súc do diện tích đất rừng, đất nông nghiệp đã được giao cho lâm trường hoặc hộ gia đình. Thực tế này gây khó khăn cho

việc chăn thả gia súc, nhất là khi tập quán thả rông vẫn phổ biến ở người Bru-Vân Kiều. Cách thực hành phổ biến hiện nay của người dân là vẫn thả trâu/bò trên diện tích đất rừng của gia đình và hằng ngày đi thăm từ 1-2 lần. Điều này khiến các hộ dân phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn so với trước đây như: (1) Bị phạt khi trâu bò làm gãy cây hay xâm hại cây trồng của các chủ rừng khác; (2) Dịch bệnh, đặc biệt trong bối cảnh nắng nóng kéo dài, thời tiết thay đổi khó dự báo; (3) Mất trộm.

Điều đáng lưu ý là yêu cầu về xây dựng chuồng trại không được đưa ra trước khi cấp trâu/bò cho các hộ gia đình. Thực tế này cùng với tập quán chăn thả rông khiến các hộ người Bru-Vân Kiều tại bản Sắt cũng như bản Khe Cát không hề có chuồng trại hay chủ động trồng cỏ voi, tích trữ thức ăn; tiêm phòng bệnh; thực hiện các biện pháp chống lạnh, nóng cho vật nuôi. Bên cạnh đó, người dân cũng chưa nắm vững các kiến thức cần thiết để phòng bệnh cho gia súc bởi việc tập huấn kỹ thuật chăn nuôi chỉ được tiến hành về mặt lý thuyết, không có hình ảnh, thực tế minh họa khiến người dân khó tiếp thu. Chính vì thế, chỉ trong năm 2023, tại bản Sắt đã có 2 con bò bị chết trên rừng và con số này ở bản Khe Cát là 3. Điều đáng nói là người dân không hề biết lý do vì sao vật nuôi của họ bị chết.

Bên cạnh đó, từ đầu năm 2024, người Bru-Vân Kiều ở xã Trường Sơn nói chung, bản Sắt và bản Khe Cát nói riêng được chính quyền hỗ trợ giống keo gỗ lớn để trồng sau khi thu hoạch giống keo lai hiện tại. Loại giống keo này được cho là có khả năng chống chịu với gió bão tốt hơn. Hiệu quả kinh tế của giống keo này được dự báo là cao hơn 5 lần so với giống keo cũ với ước tính từ 150 - 200 triệu đồng/ha. Tuy nhiên, thời gian để khai thác giống keo này từ 10 - 15 năm (tùy địa hình, chất đất, mức độ đầu tư chăm sóc), tức là dài hơn giống keo lai đang trồng phổ biến từ năm 2024 trở về trước (vốn cho khai thác sau 5 năm). Nghiên cứu này cho rằng, nếu việc trồng loại giống keo dài ngày này được triển khai đại trà sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tình trạng nghèo đói cao ở người Bru-Vân Kiều khiến 10 - 15 năm là khoảng thời gian quá dài để khai thác và điều đó có thể dẫn đến việc bán “keo non” cho thương lái. Thêm vào đó, bão là loại hình thiên tai diễn ra ngày càng khó lường ở các tỉnh miền Trung, trong đó có tỉnh Quảng Bình. Một nghiên cứu đã chỉ ra trong năm 2005, 2012 bão đã gây thiệt hại gần 100% diện tích keo ở xã Trường Xuân, một xã giáp với Trường Sơn và đó là nguyên nhân chính dẫn đến việc người Bru-Vân Kiều ở đó phải bán keo sau khi trồng khoảng 5 năm thay vì để đến 7 - 8 năm để tối đa hóa lợi nhuận (Nguyễn Công Thảo, 2023). Chính vì thế, phát triển cây trồng quá dài ngày không phù hợp với điều kiện kinh tế của người dân cũng như xu thế thiên tai ở xã Trường Sơn.

### **Kết luận**

Những phân tích trên đây đã cho thấy lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất là ba loại hình thiên tai chính mà người Bru-Vân Kiều ở xã Trường Sơn phải đối mặt. Chính quyền xã đã tích cực hỗ trợ người dân một số biện pháp phòng chống thiên tai mà rõ nét nhất là việc di dời người dân ra khỏi khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở cao, giao đất giao rừng nhằm giúp người dân có

thêm thu nhập, hỗ trợ tái định cư tại các điểm an toàn hơn, hỗ trợ vật nuôi và giống cây trồng mới nhằm đa dạng hóa nguồn thu nhập. Tuy nhiên, các chính sách này chưa giúp người dân có thêm thu nhập bền vững trước thiên tai; chưa giảm sự lệ thuộc của người dân vào khai thác lâm sản phi gỗ. Thực trạng này bị chi phối bởi một số lý do chủ quan, khách quan khác nhau.

Về mặt khách quan, tỉnh Quảng Bình nằm trong khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai trong khi có địa hình phức tạp, xu thế thiên tai diễn biến ngày càng khó lường. Các bản người Bru-Vân Kiều thường nằm ở vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện cơ sở hạ tầng còn nhiều khó khăn. Thêm vào đó, việc chuyển đổi đất rừng phòng hộ sang rừng sản xuất để giao cho người dân thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh hoặc Chính phủ và thủ tục này thường mất nhiều thời gian, nhất là với diện tích rừng đã giao cho các tổ chức khác quản lý. Trong khi đó, Quảng Bình là tỉnh nghèo nên nguồn lực tài chính vẫn hết sức hạn chế, phải phụ thuộc vào hỗ trợ từ Trung ương.

Về mặt chủ quan, cách tiếp cận cào bằng, thiếu cân nhắc tính đặc thù của điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội vẫn hiện hữu trong một số hoạt động hỗ trợ, điển hình là việc thực hiện tái định cư, giao đất rừng sản xuất ở bản Sắt hay hỗ trợ chăn nuôi, giống keo mới ở bản Khe Cát. Trong khi đó, một bộ phận người dân cũng có tâm lý chờ đợi sự hỗ trợ của Nhà nước mà việc 14 hộ dân ở bản Khe Cát vẫn chưa sẵn sàng tái định cư đến nơi ở an toàn hơn là ví dụ.

Bài học rút ra từ nghiên cứu này mong muốn giúp người dân có thêm năng lực phòng chống thiên tai, các chính sách hỗ trợ (trực tiếp hay gián tiếp) phải cân nhắc đến điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa của cộng đồng địa phương; đảm bảo các hỗ trợ đó có tính hiệu quả kinh tế với ít rủi ro nhất. Khi điều kiện nguồn lực không cho phép có thể ưu tiên một số nhóm dễ tổn thương nhất thay vì chia đều cho các hộ. Hoạt động truyền thông, cảnh báo thiên tai cần kịp thời, phù hợp, giúp người dân ý thức rõ việc chủ động hơn nữa thay vì trông đợi tuyệt đối vào hỗ trợ của Nhà nước.

### Tài liệu tham khảo

1. Adger, W.N (1999), “Social vulnerability to climate change and extremes in coastal Vietnam”, *World Development*, Vol. 27, pp. 249-269.
2. Dinh, N. C., Tan, N. Q., Tinh, B. D., Ha, V. H., Kien, N. D., Hung, P. X., Linh, N. H. K., & Phuong, H. T. (2023), “Decoding the livelihood vulnerability of flood-prone communities in Vietnam: Implications for disaster risk reduction and sustainable rural development”, *Journal of Agriculture and Environment for International Development*, Vol.117 (2), pp. 99-122.
3. Eriksen, Siri et al (2021), “Adaptation Interventions and their effect on vulnerability in developing countries: Help, hindrance or irrelevance?”, *World Development*, Vol. 141, pp. 1-16.
4. Gujun Pu, Alice Yan Chang-Richards (2022), “Livelihood recovery for sustainable development: A study of the Lushan earthquake”, *International Journal of Disaster Risk Reduction*, Vol. 82, pp. 303-317.

5. Ho Son, Aaron Kingsbury (2020), “Community adaptation and climate change in the Northern Mountainous Region of Vietnam: A case study of ethnic minority people in Bac Kan Province”, *Asian Geographer*, Vol. 37 (1), pp. 33-51, DOI: 10.1080/10225706.2019.1701507.
6. Le Dang, H., Li, E., Bruwer, J. (2014), “Farmers’ perceptions of climate variability and barriers to adaptation: lessons learned from an exploratory study in Vietnam”, *Mitigation and Adaptation Strategies for Global Change*, Vol. 19, pp. 531-548, <https://doi.org/10.1007/s11027-012-9447-6>.
7. Li, P.; Jing, T.; Wei, D.; Ying, L (2020), “Understanding the Resilience of Different Farming Strategies in Coping with Geo-Hazards: A Case Study in Chongqing, China”, *Int. J. Environ. Res. Public Health*, Vol. 17, pp. 110-126.
8. McElwee, P., Nghiem, T., Le, H. (et al, 2017), “Flood vulnerability among rural households in the Red River Delta of Vietnam: implications for future climate change risk and adaptation”, *Nat Hazards*, Vol. 86, pp. 465-492, <https://doi.org/10.1007/s11069-016-2701-6>.
9. Mohamed Arouri, Cuong Nguyen, Adel Ben Youssef (2015), “Natural Disasters, Household Welfare, and Resilience: Evidence from Rural Vietnam”, *World Development*, Vol. 70, pp. 59-77.
10. Nguyen, A.T., Nguyen, L.T., Nguyen, H.H. (2020), “Rural livelihood diversification of Dzaio farmers in response to unpredictable risks associated with agriculture in Vietnamese Northern Mountains today”, *Environment Development and Sustainability*, Vol. 22, pp. 5387-5407.
11. Nguyễn Công Thảo (2023), “Vai trò của giới tinh hoa trong thúc đẩy năng lực ứng phó với thiên tai cho người dân ở xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 88-104.
12. Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh (2020), *Báo cáo thiệt hại thiên tai các năm 2020, 2021, 2022, 2023*.
13. Ủy ban nhân dân xã Trường Sơn (2023), *Báo cáo tổng kết kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng triển khai trong năm 2024*.